

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ G  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 04 - 06 - 2021  
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Minh Tấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Ông **Nguyễn Kiên Hùng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Võ Minh Thu** –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (*Vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Ông **Châu Ngọc T**, sinh năm 1982. HKTT: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Ấp 6, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị B trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà B và ông T sống chung từ năm 2002, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21 tháng 01 năm 2011. Ly thân nhau khoảng 02 năm 2020 đến nay. Lý do, trong thời gian sống chung vợ chồng bất đồng

quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên mâu thuẫn và khi mâu thuẫn thì ông T bỏ nhà đi, không quan tâm đến vợ con. Ngoài ra, ông T còn thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm và thiếu tôn trọng bà. Bà B nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

+ Việc nuôi con: Bà B và ông T có ba người con chung gồm:

1/. Cháu Châu Thị Kim Y, sinh ngày 25 tháng 09 năm 2003

2/. Cháu Châu Tường D, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2006

3/. Cháu Châu Ngọc T, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2018

Hiện các cháu đang sống với bà B, bà B yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Chia tài sản: Bà B và ông T có tài sản chung là phần đất ngang 06 mét dài 50 mét do bà và ông T đứng tên quyền sử dụng tại Khóm 1, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Bà B yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Châu Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai được.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị B xin ly hôn với ông Châu Ngọc T

+ Về quan hệ con: Giao các cháu Châu Thị Kim Y, Châu Tường Duy và Châu Ngọc T cho Bà B được tiếp tục nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng do không yêu cầu.

+ Về tài sản: Do Bà B yêu cầu tự thỏa thuận nên không đặt ra để xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Châu Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân:** Do ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể tiến hành lấy lời khai nên căn cứ vào lời khai của Bà B để giải quyết. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Bà B và ông T là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của Bà B đã chứng minh được, Bà B và ông T ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, với những lý do mà Bà B đưa ra. Căn cứ vào kết quả xác minh thì giữa họ đã ly thân trong thời gian dài, như vậy trong quá trình ly thân họ đã không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, còn đối với ông T không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của Bà B được ly hôn với ông T.

[3]. **Việc nuôi con:**

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

- Cháu Châu Thị Kim Y, cháu Châu Tường D, cháu Châu Ngọc T đang sống với Bà B từ khi ly thân cho đến nay các cháu đang phát triển bình thường. Cho nên việc giao các cháu cho Bà B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng: Do bà Huỳnh Thị B không yêu cầu (mặc dù đã giải thích) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. **Chia tài sản:** Do bà Huỳnh Thị B yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. **Về án phí:**

- Bà Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003504 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Ông Châu Ngọc T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

**1. Quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị B và ông Châu Ngọc T.

#### **2. Việc nuôi con:**

- Giao cháu Châu Thị Kim Y, sinh ngày 25 tháng 09 năm 2003; cháu Châu Tường D, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2006 và cháu Châu Ngọc T, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2018 cho bà Huỳnh Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ông Châu Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do bà Huỳnh Thị B không yêu cầu (mặc dù đã được giải thích ) nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

**3. Chia tài sản:** Do bà Huỳnh Thị B yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

#### **4. Về án phí:**

- Bà Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003504 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;

- Ông Châu Ngọc T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Minh Tấn**